

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/HNGĐ - ST

Ngày: 02-02-2024

V/v ly hôn; tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Ngô Thị Luân;
- Bà Nguyễn Thị Thùy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Duy Hoàng Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 435/2023/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐST-DS ngày 17/01/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị **Dương Gur K**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: **thôn R, xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: anh **Rra Jân K1**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: **thôn D (thôn T), xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng**. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo nội dung đơn xin ly hôn, nguyên đơn chị **Dương G K** trình bày thì:*

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh **R** Jân Kbũs tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2018, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 07/3/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa vợ chồng chị có sự bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài, ngày càng trầm trọng, không khí gia đình luôn trong tình trạng căng thẳng. Nhiều lần chị cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chị

không còn tình cảm với anh **Rra J** Kbũs nên chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà giải quyết cho chị được ly hôn với anh **Rra Jãn K2**.

Về con chung: vợ chồng chị có con chung tên là **Dong Gur Ha L**, sinh ngày 11/5/2016; **Dong Gur K'Mỹ T**, sinh ngày 10/8/2018; **Dong Gur K'Mỹ Chiêu**, sinh ngày 08/11/2020 và **Dong G K'Mỹ T1**, sinh ngày 17/11/2021. Khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 04 con chung. Chị không yêu cầu anh **Rra J** Kbũs phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: vợ chồng chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị **Dong G K'Sân** không yêu cầu gì thêm.

*Bị đơn anh **Rra Jãn K2** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo thông báo, anh **Rra J** Kbũs không có văn bản trình bày ý kiến, không đến Tòa án làm việc.*

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp hòa giải nhưng bị đơn anh **Rra J** Kbũs vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị **D** Gur K'Sân, xử cho chị **Dong G K'Sân** được ly hôn với anh **Rra Jãn K2**. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là **Dong Gur Ha Lũ**, sinh ngày 11/5/2016; **Dong Gur K'Mỹ T**, sinh ngày 10/8/2018; **Dong Gur K'Mỹ Chiêu**, sinh ngày 08/11/2020 và **Dong G K'Mỹ T1**, sinh ngày 17/11/2021 cho chị **Dong G K'Sân** có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **Dong G K'Sân** không yêu cầu anh **R** Jãn Kbũs phải cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung đương sự xác định không có tài sản chung, không có nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra đề giải quyết.

Về án phí: buộc chị **Dong G K'Sân** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* nguyên đơn chị **Dong G K'Sân** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt; bị đơn anh **Rra J** Kbũs vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bị đơn anh **Rra J** Kbũs cư trú tại: **thôn D (thôn T), xã T, huyện L, tỉnh Lâm Đồng** nên theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị **Dong G** K'Sân và anh **R** Jãn Kbũs xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng** vào ngày 07/3/2018 nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị **Dong G** K'Sân, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình xác minh các cơ quan, đoàn thể ở địa phương thì được biết nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh **Rra Jãn K2**, chị **Dong G** K'Sân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn về kinh tế. Vợ chồng anh **Rra Jãn K2**, chị **Dong G** K'Sân đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2022 đến nay. Đồng thời, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh **R** Jãn Kbũs nhưng anh **Rra J** Kbũs không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp. Điều này chứng tỏ anh **Rra J** Kbũs không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh **Rra Jãn K2**, chị **Dong G** K'Sân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân của anh, chị cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai. Hội đồng xét xử, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **D Gur K**, xử cho chị **Dong G** K'Sân được ly hôn với anh **Rra J** Kbũs là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: chị **Dong G** K'Sân xác định vợ chồng có con chung là **Dong Gur Ha Lũs**, sinh ngày 11/5/2016; **Dong Gur K'Mỹ T**, sinh ngày 10/8/2018; **Dong Gur K'Mỹ Chiêu**, sinh ngày 08/11/2020 và **Dong G** K'Mỹ **T1**, sinh ngày 17/11/2021. Khi ly hôn, chị **Dong G** K'Sân yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cả 04 con chung.

Xét thấy, từ khi chị **Dong G** K'Sân và anh **Rra J** Kbũs sống ly thân đến nay, các con chung vẫn sống cùng với chị **Dong G** K'Sân ổn định nên để đảm bảo sự ổn định tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung là **Dong Gur Ha Lũs**, sinh ngày 11/5/2016; **Dong Gur K'Mỹ T**, sinh ngày 10/8/2018; **Dong Gur K'Mỹ Chiêu**, sinh ngày 08/11/2020 và **Dong G** K'Mỹ **T1**, sinh ngày 17/11/2021 cho chị **Dong G** K'Sân có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị **Dong G** K'Sân không yêu cầu anh **R** Jãn Kbũs phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung: đương sự xác định không có tài sản chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[6] Về nợ chung: đương sự xác định không có nợ chung và thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[7] Về án phí: buộc chị **Dong G** K'Sân phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị **D** Gur **K**, xử cho chị **Dong G** K'Sân được ly hôn với anh **Rra Jân K2**.

2. Về con chung: giao con chung tên là **Dong Gur H**, sinh ngày 11/5/2016; **Dong Gur K'Mỹ T**, sinh ngày 10/8/2018; **Dong Gur K'Mỹ Chiêu**, sinh ngày 08/11/2020 và **Dong G K'Mỹ T1**, sinh ngày 17/11/2021 cho chị **Dong G** K'Sân có trách nhiệm trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh **Rra J** Kbũs không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

2. Về án phí: buộc chị **Dong G** K'Sân phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004323 ngày 28/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Chị **Dong Gur K** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hạnh

